

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀ NỘI REAL 789
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀ NỘI REAL 789

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA NOI REA 789 JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HN REAL 789.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107164152

3. Ngày thành lập: 05/12/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 23, tháp A, tòa nhà Sông Đà, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
2.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
3.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
4.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
5.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
6.	Đúc sắt, thép	2431
7.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
8.	Khai thác và thu gom than non	0520
9.	Khai thác quặng sắt	0710
10.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
11.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
12.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
13.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
14.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
15.	Khai thác muối	0893
16.	Sản xuất than cốc	1910
17.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Vận tải hành khách ven biển	5011
18.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Vận tải hàng hóa ven biển	5012
19.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
20.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
21.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

22.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;	5221
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa : Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển	5222
24.	Bốc xếp hàng hóa	5224
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chỉ gồm có các ngành nghề sau: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường bộ; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;	5229
26.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
27.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
28.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
29.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chỉ gồm có các ngành nghề sau: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,	4663
30.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại ;	4719
31.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
32.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724

33.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Bán lẻ gỗ cây, tre, nứa; sản phẩm gỗ sơ chế; sơn và véc ni; vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; giấy dán tường và phủ sàn; kính phẳng; đồ ngũ kim và khoá; ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; bình đun nước nóng; thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,	4752
34.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
35.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
36.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
37.	Xây dựng nhà các loại	4100
38.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Xây dựng công trình đường bộ;	4210
39.	Xây dựng công trình công ích	4220
40.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chỉ gồm có: Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hoá chất; Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, Đập và đê; Xây dựng đường hầm ; Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời;	4290
41.	Phá dỡ	4311
42.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
43.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
44.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
45.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chỉ gồm có: Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : Thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí	4329
46.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

47.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) ; Bán buôn xe có động cơ khác : - Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả xe chuyên dụng như xe cứu thương; - Ô tô vận tải, kể cả loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh, rơ-moóc và bán rơ-moóc; - Ô tô chuyên dụng: xe chở rác, xe quét đường, xe phun nước, xe trộn bê tông...; - Xe vận chuyển có hoặc không gắn thiết bị nâng hạ, cặp giữ loại dùng trong nhà máy, kho hàng, sân bay, bến cảng, sân ga xe lửa.	4511
48.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
49.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4513
50.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
51.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
52.	Bán mô tô, xe máy	4541
53.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
54.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
55.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chỉ gồm có: Đại lý mua, bán và ký gửi hàng hóa;	4610
56.	Bán buôn đồ uống	4633
57.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
58.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Bán buôn máy móc, thiết bị máy khai khoáng;	4659
59.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
60.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chỉ gồm có: Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;	4932
61.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
62.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
63.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; dịch vụ nhận ủy thác xuất nhập khẩu;	8299
64.	Giáo dục mầm non	8510
65.	Giáo dục tiểu học	8520

66.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
67.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
68.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có các ngành nghề sau: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm(gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể. Nhóm này cũng gồm: - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Dạy bay; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
69.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có: Dịch vụ tư vấn đầu tư;	6619
70.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Pháp nhân chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo qui định pháp luật).	6810(Chính)
71.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chỉ gồm có các ngành nghề sau: - Hoạt động của các đại lý kinh doanh bất động sản và môi giới; - Trung gian trong việc mua, bán hoặc cho thuê bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; - Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; - Dịch vụ định giá bất động sản; - Sàn giao dịch bất động sản.	6820
72.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
73.	Quảng cáo	7310
74.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
75.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chỉ gồm có: Hoạt động trang trí nội thất	7410

76.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Hoạt động phiên dịch;	7490
77.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chỉ gồm có các ngành nghề sau: Cho thuê máy móc, thiết bị khai khoáng;	7730
78.	Đại lý du lịch	7911
79.	Điều hành tua du lịch	7912
80.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
81.	(Trong các ngành, nghề có trên không bao gồm: Ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh. Đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì pháp nhân chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo qui định pháp luật).	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐẶNG QUỐC DŨNG	Phòng 2508, khu đô thị mới La Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	20	017326709	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	20		
2	PHẠM SONG HÀ	Tổ 50, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	20	013019628	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	20		
3	NGUYỄN THỊ MAI	Thôn Đồi Dài, Xã Tiên Phong, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	20	017486536	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	20		
4	NGUYỄN VĂN HẢI	Xóm 18B, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	20	013124481	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	20		

5	PHẠM XUÂN HUY	Thôn An Lộc Thượng, Xã Yên Hồng, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	20	B8557035	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	20		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: ĐẶNG QUỐC DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Ngày sinh: 10/02/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 017326709

Ngày cấp: 27/12/2011

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Phòng 2508, khu đô thị mới La Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Phòng 218 - CT5, đơn nguyên 3, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội